

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2016

**HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI GIÁM SÁT AN TOÀN THỰC PHẨM
CHUỖI CUNG ỨNG NÔNG SẢN, THỦY SẢN CHO TP. HỒ CHÍ MINH
(Năm 2016)**

1. Mục tiêu:

- Đánh giá mức độ ATTP của một số thực phẩm nông sản, thủy sản và hiệu quả kiểm soát ATTP nông sản, thủy sản;
- Triển khai một trong những nội dung của Chương trình liên kết cung cấp sản phẩm rau, thịt an toàn cho tp. Tp. Hồ Chí Minh thông qua việc thiết kế, vận hành Kế hoạch giám sát ATTP tại Tp. Hồ Chí Minh và một số địa phương cung cấp sản phẩm rau, thịt, thủy sản cho Tp. Hồ Chí Minh.
- Đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng; giảm thiệt hại cho người sản xuất kinh doanh do phải loại bỏ sản phẩm có chứa dư lượng các chất có hại cho người tiêu dùng; tăng hiệu quả, góp phần phát triển bền vững ngành nông nghiệp...

2. Căn cứ giám sát:

- Quyết định 1290/QĐ-TCCB ngày 17/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phân công, phân cấp trong hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành ATTP NLTS thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Quyết định 629/QĐ-BNN-QLCL ngày 02/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành kế hoạch hành động Năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Thông báo số 2317/TB-BNN-VP ngày 24/3/2016 thông báo ý kiến kết luận của Bộ trưởng Cao Đức Phát tại buổi làm việc về kiểm soát chất cấm, thuốc kháng sinh và thuốc bảo vệ thực vật;
- Các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế ban hành và các quy định khác của nhà nước có liên quan về chỉ tiêu ATTP nông sản, thủy sản.

3. Thời gian và phạm vi triển khai:

3.1. Thời gian: Từ tháng 4 đến tháng 12/2016.

3.2. Phạm vi: Tại Tp. Hồ Chí Minh và 1 số địa phương cung cấp sản phẩm nông sản, thủy sản cho Tp. Hồ Chí Minh.

4. Đối tượng lấy mẫu giám sát:

- Thịt gà;
- Thịt lợn;

- Rau (ăn lá, ăn quả);
- Thực phẩm chế biến (giò, chả, nem chua...);
- Thủy sản nuôi nước ngọt (không thuộc chương trình kiểm soát dư lượng);
- Thủy sản khô;

5. Kế hoạch lấy mẫu giám sát:

5.1. Số lượng mẫu lấy:

- Nguyên tắc xác định: Theo Tiêu chuẩn CAC/GL 33 -1999: tỷ lệ vi phạm ước tính là 1%, xác suất phát hiện là 90%;

- Lượng mẫu lấy cho từng đối tượng giám sát: Trong năm 2016 lượng mẫu lấy sẽ là 100-300 mẫu/đối tượng giám sát. Cụ thể:

TT	Loại mẫu	Dự kiến số lượng mẫu từng tháng/ĐP		Ghi chú
		Do CC HN thực hiện	Do CC địa phương thực hiện	
1	Thịt lợn (248)	10	7	Tổng số: 248 mẫu; Trong đó: - Tp. Hồ Chí Minh: 80 mẫu; - Đồng Nai, Bình Dương, Long An: 56 mẫu/ mỗi ĐP;
2	Thịt gà (144)	8	5	Tổng số: 144 mẫu; Trong đó: - Tp. Hồ Chí Minh: 64 mẫu; - Đồng Nai, Bình Phước: 40 mẫu/ mỗi ĐP;
3	Rau (248)	15	8	Tổng số: 248 mẫu; Trong đó: - Tp. Hồ Chí Minh: 120 mẫu; - Lâm Đồng, Tiền Giang: 64 mẫu/ mỗi ĐP;
4	Thực phẩm chế biến (80)	10	0	Tổng số: 80 mẫu, lấy tại Tp. Hồ Chí Minh;
5	Thủy sản nuôi nước ngọt (128)	8	4	Tổng số: 128 mẫu; Trong đó: - Tp. Hồ Chí Minh: 64 mẫu; - Hậu Giang, Long An: 32 mẫu/ mỗi ĐP;
6	Thủy sản khô (120)	7	4	Tổng số: 120 mẫu; Trong đó: - Tp. Hồ Chí Minh: 56 mẫu; - Bình Thuận, Vũng Tàu: 32 mẫu/ mỗi ĐP;

- Số lượng mẫu lấy trong từng tháng có thể điều chỉnh lên/xuống tùy thuộc vào sản phẩm tiêu thụ trong tháng tại địa phương. Nhưng tổng mẫu ở mỗi địa phương không thay đổi.

- Trong số các mẫu giám sát, khoảng 50% số mẫu lấy tại nơi bày bán sản phẩm có nguồn gốc từ các tỉnh có liên kết chuỗi với Tp. Hồ Chí Minh, 50% số mẫu lấy ngẫu nhiên tại các chợ đầu mối/bán buôn.

5.2. Nguyên tắc và địa điểm lấy mẫu giám sát:

Mẫu được lấy tại chợ bán buôn hoặc các cửa hàng chuyên doanh; đảm bảo từ các nguồn đại diện cho các cơ sở phân phối/ tiêu thụ khác nhau; ưu tiên lấy mẫu tại cơ sở phân phối tham gia xác nhận sản phẩm an toàn; đảm bảo có thể truy xuất được nguồn gốc (ít nhất đến tỉnh/ huyện cung cấp sản phẩm) để xử lý khi phát hiện mẫu không bão đảm ATTP.

5.3. Tần suất lấy mẫu: Định kỳ hàng tháng.

5.4. Chỉ tiêu phân tích:

TT	Loại mẫu	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu phân tích
1	Thịt lợn	248	- <i>Salmonella</i> ; - Dư lượng nhóm Beta agonist (Clenbuterol, Salbutamol, Ractopamine); - Dư lượng nhóm Sulfonamide (Sulfadiazin, Sulfadimidin);
2	Thịt gà	144	- <i>Salmonella</i> ; - Dư lượng nhóm Tetracyclines (Tetracyclin, Oxytetracyclin, Chlortetracyclin); - Dư lượng nhóm Chloramphenicol (Chloramphenicol, Florfenicol);
3	Rau	248	- Dư lượng thuốc BVTV (phương pháp đa dư lượng)
4	Thực phẩm chế biến (giò, chả, nem chua...)	80	- Chất bảo quản Benzoat; - Kali Nitrat; - Natri Nitrit; - Hàn the (Borax); <i>(tùy loại sản phẩm thực phẩm chế biến sẽ đề xuất chỉ tiêu phân tích phù hợp).</i>
5	Thủy sản nuôi nước ngọt (tiêu thụ nội địa)	128	- Chloramphenicol; - Nitrofurans (AOZ, AMOZ, SEM); - Nhóm Quinolones (Ciprofloxacin, Enrofloxacin);
6	Thủy sản khô	120	- <i>Salmonella</i> ; - Chloramphenicol; - Trichlorfon; - Rhodamine B;

5.5. Phòng kiểm nghiệm phân tích mẫu:

Phòng kiểm nghiệm đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ định; cụ thể: Trung tâm Chất lượng Nông Lâm Thủy sản vùng 4.

6. Kinh phí thực hiện:

6.1. Chi phí lấy mẫu (chi phí đi lại, công tác phí cho cán bộ đi lấy mẫu; mua mẫu; dụng cụ bảo quản chứa đựng mẫu...); gửi mẫu; chi phí đi điều tra nguyên nhân thực phẩm mất an toàn;

Phòng Quản lý Chất lượng phối hợp Chi cục quản lý chuyên ngành (thuộc Sở NN&PTNT tp. Hồ Chí Minh), Chi cục Quản lý Chất lượng NLS&TS xây dựng dự toán, trình Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt và cấp kinh phí triển khai.

6.2. Chi phí phân tích mẫu:

Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản chi trả trực tiếp cho Trung tâm CL NLTS vùng.

7. Tổ chức thực hiện:

7.1. Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản:

- Hướng dẫn xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch giám sát;
- Kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ các đơn vị trong quá trình triển khai.
- Tổng hợp kết quả triển khai Kế hoạch giám sát.
- Cấp kinh phí cho Trung tâm Chất lượng NLTS vùng thực hiện phân tích mẫu giám sát theo kế hoạch này.

7.2. Sở Nông nghiệp và PTNT các địa phương thực hiện kế hoạch giám sát:

- Phê duyệt Kế hoạch giám sát và phối hợp Cục QLCL NLS&TS tổ chức triển khai kế hoạch.
- Cấp kinh phí thực hiện Kế hoạch giám sát (lấy mẫu, gửi mẫu).
- Kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ Chi cục QLCL NLS&TS trong quá trình triển khai.

7.3. Chi cục Quản lý CL Nông Lâm sản và Thủy sản (Cơ quan giám sát):

- Thực hiện lấy mẫu theo Kế hoạch giám sát đã được duyệt;
- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các mẫu không bảo đảm ATTP.
- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch giám sát.

7.4. Phòng kiểm nghiệm phân tích mẫu:

Thực hiện phân tích mẫu trong thời gian sớm nhất có thể để đảm bảo trả kết quả đúng thời hạn quy định.

8. Phương pháp triển khai:

8.1. Thực hiện thu mẫu tại hiện trường:

8.1.1. Nguyên tắc lấy mẫu

- Mẫu được lấy theo nguyên tắc ngẫu nhiên;
- Mẫu lấy đúng chủng loại và số lượng được quy định trong kế hoạch lấy mẫu;

8.1.2. Kỹ thuật lấy mẫu, dụng cụ lấy mẫu, bảo quản mẫu theo hướng dẫn nêu tại Phụ lục 1.

8.2. Giao nhận mẫu giữa Cơ quan giám sát và Phòng Kiểm nghiệm:

- Mẫu sau khi lấy cần nhanh chóng chuyển đến Phòng Kiểm nghiệm trong thời gian sớm nhất.

- Cán bộ phòng Kiểm nghiệm và cán bộ Cơ quan giám sát đối chiếu số lượng, chủng loại mẫu, tình trạng mẫu, chỉ tiêu chỉ định phân tích và tiến hành giao nhận mẫu theo thông tin trên Biên bản giao nhận mẫu.

- Phòng Kiểm nghiệm có quyền từ chối tiếp nhận các mẫu có thông tin sai (tên mẫu không đúng với tên sản phẩm, hoặc không phù hợp với bản chất của mẫu) hoặc trong tình trạng bảo quản không tốt (bị chảy nước, bao gói bị rách hay bị nhiễm bẩn...) có khả năng ảnh hưởng đến kết quả phân tích hoặc khối lượng mẫu không đáp ứng yêu cầu của phương pháp phân tích. Tất cả các dấu hiệu không đồng nhất, hư hỏng của mẫu và bao bì bao gói đều phải ghi nhận lại trên Biên bản giao nhận mẫu. Đối với các trường hợp này, Cơ quan giám sát phải thực hiện thu mẫu lại.

- Sau khi giao mẫu đến Phòng Kiểm nghiệm, định kỳ hàng tháng/ quý, Cơ quan giám sát gửi Biên bản giao nhận mẫu về Cục QLCL NLS&TS để tổng hợp, giám sát và nghiệm thu kết quả thực hiện.

8.3. Phân tích và lưu mẫu tại Phòng Kiểm nghiệm:

- Phòng Kiểm nghiệm phải thực hiện phân tích mẫu trong thời gian sớm nhất có thể để đảm bảo trả kết quả đúng thời hạn quy định.

Trong trường hợp kết quả phân tích phát hiện chỉ tiêu an toàn thực phẩm vượt quá giới hạn tối đa cho phép, Phòng Kiểm nghiệm phải thông báo cho Cơ quan giám sát, Cục QLCL NLS&TS trong vòng 01 (một) ngày sau khi có kết quả phân tích (bằng cách gửi trực tiếp, fax, email,...).

- Theo thời hạn trả kết quả nêu trên, phòng Kiểm nghiệm gửi kết quả phân tích mẫu kèm theo Biên bản giao nhận mẫu về Cục QLCL NLS&TS.

8.4. Thông báo kết quả giám sát:

- Sau khi nhận đủ các kết quả phân tích từ phòng kiểm nghiệm, định kỳ hàng tháng, Cục Quản lý chất lượng NLS&TS tổng hợp, xử lý kết quả giám sát báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban Điều phối Chương trình cung cấp rau thịt an toàn cho tp. Tp. Hồ Chí Minh và gửi thông báo tới Sở Nông nghiệp và PTNT tp. Tp. Hồ Chí Minh và Sở Nông nghiệp và PTNT các địa phương thực hiện lấy mẫu của kế hoạch giám sát.

- Chi cục Quản lý Chất lượng NLS&TS địa phương thông báo kết quả đến các cơ sở đã thực hiện thu mẫu.

8.5. Xử lý khi kết quả phân tích mẫu giám sát không bảo đảm ATTP:

8.5.1. Ngay sau khi có kết quả kiểm nghiệm mẫu giám sát không bảo đảm ATTP, cơ quan giám sát thực hiện nội dung sau:

a. Thông báo bằng văn bản tới cơ sở có mẫu không bảo đảm ATTP, yêu cầu truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân, thực hiện hành động khắc phục và báo cáo kết quả về cơ quan giám sát.

b. Thông báo bằng văn bản kết quả giám sát tới các cơ quan chức năng địa phương được phân công quản lý ATTP tại công đoạn sản xuất kinh doanh có mẫu giám sát phát hiện không bảo đảm ATTP để có biện pháp kiểm soát phù hợp.

c. Trường hợp quá thời hạn yêu cầu không nhận được báo cáo kết quả điều tra nguyên nhân và thực hiện hành động khắc phục của cơ sở, cơ quan giám sát thông báo và đề nghị bằng văn bản tới cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành để tổ chức thanh tra đột xuất và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật thanh tra.

d. Trường hợp mẫu giám sát không bảo đảm ATTP được xác định là sản phẩm nhập khẩu, cơ quan giám sát báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để có văn bản thông báo tới cơ quan chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao quản lý ATTP đối với sản phẩm nông lâm thuỷ sản nhập khẩu.

8.5.2. Trong đợt lấy mẫu giám sát tháng tiếp theo: thực hiện lấy mẫu sản phẩm có nguồn cung ứng đã phát hiện mẫu vi phạm.

8.5.3. Trường hợp mẫu giám sát đợt tiếp theo vẫn phát hiện sản phẩm vi phạm lặp lại: Cơ quan giám sát thông báo tới cơ quan chức năng cùng cấp của địa phương có cơ sở kinh doanh/ cơ sở cung ứng/ cơ sở sản xuất ra sản phẩm đã xác định có nguyên nhân vi phạm để phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định hiện hành (nếu cần) tại cơ sở kinh doanh/ cơ sở cung ứng/ cơ sở sản xuất ra sản phẩm nông sản có mẫu bị phát hiện vi phạm đó.

9. Chế độ báo cáo:

9.1. Chi cục Quản lý Chất lượng NLS&TS các địa phương thực hiện lấy mẫu giám sát theo kế hoạch này: định kỳ hàng tháng, năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) tổng hợp kết quả giám sát tại địa phương, báo cáo về Cục QLCL NLS&TS và Sở Nông nghiệp và PTNT tp. Hồ Chí Minh, Sở Nông nghiệp và PTNT các địa phương thu mẫu.

9.2. Cục Quản lý Chất lượng NLS&TS: định kỳ hàng tháng, năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) tổng hợp kết quả giám sát, báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT.